

Số: ~~464~~ /BC-UBND

Minh Long, ngày 29 tháng 11 năm 2018

**BÁO CÁO**

**Quỹ lương, biên chế, đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục- đào tạo**

Thực hiện Công văn số 2869/ UBND-NS ngày 28/11/2018 của của Sở Tài chính về việc báo cáo quỹ lương, biên chế, đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục- đào tạo. Ủy ban nhân dân Huyện Minh Long báo cáo như sau:

1. Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao tại thời điểm 30/4/2015 là 367 người, trong đó lao động hợp đồng theo Nghị định 68 là 1 người.

2. Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao năm 2018 là 408 người, trong đó lao động hợp đồng theo Nghị định 68 là 6 người.

3. Số lượng người làm việc có mặt tại thời điểm 30/6/2018 là 365 người, trong đó lao động hợp đồng theo Nghị định là 6 người.

4. Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao năm 2019 (nếu có) hoặc dự kiến năm 2019 là 408 người, trong lao động hợp đồng theo Nghị định 68 là 6 người.

5. Quỹ lương hành chính 1 tháng theo mức lương cơ sở 1,39 triệu đồng (không bao gồm lao động hợp đồng) là 5.516 tỷ đồng.

6. Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên là 18 đơn vị.

7. Số lượng đơn vị sự nghiệp công tại thời điểm 30/4/2015 là 18 đơn vị.

8. Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên là 19 đơn vị.

9. Số kinh phí NSNN hỗ trợ chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công năm 2015 và năm 2018, năm 2019 là 179.006 tỷ đồng.

*Chi tiết theo phụ lục đính kèm.*

Ủy ban nhân dân huyện Minh Long báo cáo Sở Tài chính theo dõi./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CT, các PCT;
- P. TCKH;
- VP: C, PVP;
- Lưu VT.

 **CHỦ TỊCH**  
*[Signature]*  
**Võ Đình Tiến**

**PHỤ LỤC**  
**TỔNG HỢP QUỸ LƯƠNG, BIÊN CHẾ, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**  
**THEO CÁC NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW, 19-NQ/TW, 27-NQ/TW**  
*(Kèm theo Báo cáo số: 464/BC- UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của UBND huyện Minh Long)*

STT	NỘI DUNG	Trong đó		
		Lĩnh vực giáo dục - đào tạo	Lĩnh vực giáo y tế	Lĩnh vực KHCN
1	<b>Số lượng người làm việc (đơn vị: người)</b>			
a	<b>Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao tại thời điểm 30/4/2015</b>	367	367	
	<i>Trong đó:</i>			
-	Biên chế công chức	-	-	
-	Biên chế viên chức (*)	366	366	
-	Lao động hợp đồng theo Nghị định 68	1	1	
	+ Trong cơ quan hành chính	-	-	
	+ Trong đơn vị sự nghiệp (*)	1	1	
-	Lao động hợp đồng khác	-	-	
b	<b>Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao năm 2018</b>	408	408	
	<i>Trong đó:</i>			
-	Biên chế công chức	-	-	
-	Biên chế viên chức (*)	402	402	
-	Lao động hợp đồng theo Nghị định 68	6	6	
	+ Trong cơ quan hành chính			
	+ Trong đơn vị sự nghiệp (*)	6	6	
-	Lao động hợp đồng khác			
c	<b>Số lượng người làm việc có mặt tại thời điểm 30/6/2018</b>	365	365	
	<i>Trong đó:</i>			
-	Biên chế công chức	-	-	
-	Biên chế viên chức (*)	359	359	
-	Lao động hợp đồng theo Nghị định 68	6	6	
	+ Trong cơ quan hành chính			
	+ Trong đơn vị sự nghiệp (*)	6	6	
-	Lao động hợp đồng khác			
d	<b>Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao năm 2019 (nếu có) hoặc dự kiến năm 2019 (nếu chưa được giao)</b>	408	408	-
	<i>Trong đó:</i>			
-	Biên chế công chức	-	-	
-	Biên chế viên chức (*)	402	402	
-	Lao động hợp đồng theo Nghị định 68	6	6	
	+ Trong cơ quan hành chính			
	+ Trong đơn vị sự nghiệp (*)	6	6	
-	Lao động hợp đồng khác			
2	<b>Quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương (đơn vị: tỷ đồng)</b>	5.516,000	5.516,000	-
-	Quỹ lương hành chính 1 tháng theo mức lương cơ sở 1,39 triệu đồng (không bao gồm lao động hợp đồng)	5.516,000	5.516,000	
-	Quỹ lương sự nghiệp 1 tháng theo mức lương cơ sở 1,39 triệu đồng (**)			
	<i>Trong đó: phần SNNN đảm bảo</i>			
3	<b>Đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị)</b>			
a	<b>Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm 30/4/2015</b>	18	18	

STT	NỘI DUNG	Tổng số	Trong đó		
			Lĩnh vực giáo dục - đào tạo	Lĩnh vực giáo y tế	Lĩnh vực KHCN
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên	18	18		
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp khác				
<b>b</b>	<b>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tại thời điểm 30/6/2018</b>	<b>19</b>	<b>19</b>		
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi đầu tư, chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên	19	19		
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp khác				
<b>c</b>	<b>Số lượng đơn vị sự nghiệp công dự kiến năm 2019</b>	<b>19</b>	<b>19</b>		
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi đầu tư, chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên	19	19		
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp khác				
<b>d</b>	<b>Số kinh phí NSNN hỗ trợ chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công (***) (đơn vị: tỷ đồng)</b>	<b>179.006,000</b>	<b>179.006,000</b>		
-	Năm 2015	53.040,000	53.040,000		
-	Năm 2018	59.774,000	59.774,000		
-	Năm 2019	66.192,000	66.192,000		